

Số: /QĐ-BNN-TL

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Phê duyệt dự án thành phần số 5: Sửa chữa cấp bách
đảm bảo an toàn hồ Kim Sơn, tỉnh Hà Tĩnh**

Thuộc dự án Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng; Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2022/QH15; Luật đấu thầu số 43/2013/QH13; Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: Số 10/2021/TT-BXD ngày 25/8/2021; số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về việc ban hành định mức xây dựng; số 13/2021/TT-BXD hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Số 3233/QĐ-BNN-KH ngày 21/7/2021 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, số 4351/QĐ-BNN-TCTL ngày 10/11/2021 về việc phê duyệt nhiệm vụ, dự toán khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi; số 1421/QĐ-BNN-KH ngày 07/4/2023 về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước;

Căn cứ văn bản số 5350/UBND-NL₁ ngày 26/9/2022 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc đề xuất giao chủ đầu tư dự án thành phần số 14: Xử lý cấp bách các công xung yếu dưới đê tỉnh Hà Tĩnh và công trình Hồ Kim Sơn thuộc dự án Sửa chữa nâng cấp đảm bảo an toàn đập, hồ chứa nước và bố trí nguồn vốn đầu

tư sửa chữa, nâng cấp một số hồ chứa;

Văn bản số 2746/UBND-NL₁ ngày 02/6/2023 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc góp ý nội dung quy mô đầu tư, TMĐT công trình hồ chứa nước Kim Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh.

Xét Tờ trình số 63/TTr-BQL2-KHTĐ ngày 28/4/2023 của Ban Quản lý đầu tư và Xây dựng thủy lợi 2 (Ban 2) về việc thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi kèm theo Báo cáo thẩm tra Báo cáo NCKT số 36/BCTT-SAMICO ngày 03/3/2023 của Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Sao Mai.

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thủy lợi, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch kèm theo Báo cáo thẩm định số 740/BC-TL-ATĐ ngày 19/6/2023 của Cục Thủy lợi;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án thành phần số 5: Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ Kim Sơn, tỉnh Hà Tĩnh thuộc dự án Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án thành phần: Dự án thành phần số 5: Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ Kim Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Người quyết định đầu tư: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT.

3. Chủ đầu tư:

- Giai đoạn chuẩn bị đầu tư: Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 2.
- Giai đoạn thực hiện đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hà Tĩnh.

4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng:

Sửa chữa, nâng cấp công trình đầu mối hồ chứa nước Kim Sơn nhằm đảm bảo an toàn công trình đầu mối và hạ du; phát huy tối đa nhiệm vụ thiết kế công trình; chủ động trong công tác quản lý vận hành và nâng cao khả năng ứng phó khi có tình huống khẩn cấp.

5. Tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi (NCKT): Công ty TNHH Nam Việt và nhà thầu phụ Công ty Cổ phần xây dựng công trình 69 thuộc Liên danh Viện Thủy công- Trung tâm Khoa học và Triển khai kỹ thuật thủy lợi – Tổng Công ty tư vấn xây dựng Thủy lợi Việt Nam – CTCP – Công ty TNHH Nam Việt – Viện đào tạo và khoa học ứng dụng Miền Trung - Công ty Cổ phần tư vấn và xây dựng An Thịnh (Liên danh THUY CONG - CRA - HEC - NAMVIET - IEAS – ANTHINH).

6. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng

- Địa điểm xây dựng: Khu vực công trình đầu mối hồ Kim Sơn thuộc địa phận huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

7. Diện tích đất sử dụng: Không.

8. Loại, cấp công trình, chỉ tiêu thiết kế:

- Loại công trình: Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn

- Nhóm dự án thành phần: Dự án nhóm C.
- Cấp công trình: Cấp II
- Các chỉ tiêu thiết kế:
 - + Tần suất lũ thiết kế $P = 1\%$
 - + Tần suất lũ kiểm tra $P = 0,2\%$

9. Số bước thiết kế:

- Thiết kế 2 bước:
- Thiết kế cơ sở
 - Thiết kế bản vẽ thi công – dự toán

10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng

- QCVN 04-05:2012/BNNT&PTNT, QCVN 04-05:2022/BNNT&PTNT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về thiết kế;
- TCVN 12845:2020 Công trình thủy lợi - Thành phần, nội dung lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi và báo cáo kinh tế - kỹ thuật;
- TCVN 8216:2018 Công trình thủy lợi – Thiết kế đập đất đầm nén;
- TCVN 4253:2012 Công trình thủy lợi - Nền các công trình thủy công - Yêu cầu thiết kế.
- TCVN 4447:2012 Công tác đất – Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 9147 : 2012 Công trình thủy lợi – Quy trình tính toán thủy lực đập tràn;
- TCVN 8477:2018 Công trình thủy lợi – Thành phần, khối lượng khảo sát địa chất trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế;
- TCVN 8478:2018 Công trình thủy lợi – Thành phần, khối lượng khảo sát địa hình trong các giai đoạn thiết kế;
- TCVN 9115:2012 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép - Thi công và nghiệm thu.
- TCVN 9166:2012 Công trình thủy lợi - Yêu cầu kỹ thuật thi công bằng phương pháp đầm nén nhẹ.
- TCVN 9361:2012 Công tác nền móng - Thi công và nghiệm thu.
- Các tiêu chuẩn, Quy chuẩn khác có liên quan.

11. Phương án xây dựng: Theo hình thức sửa chữa, nâng cấp. Cụ thể:

a) Xử lý xói sau tràn xả lũ: Đào dẫn nắn dòng kênh thoát lũ sau tràn (đoạn chảy qua hạ lưu đập chính), hình thức kênh hình thang, hệ số mái $m=0,5$. Đắp tạo các mỏ hàn nắn dòng chảy hạn chế ảnh hưởng vào chân đập chính tại đồng đá tiêu nước. Bổ sung các hàng rọ đá gia cố chân đồng đá tiêu nước.

b) Đập Phụ:

- Hoàn chỉnh mặt cắt đập phụ chiều dài 274,55m.

Đắp áp trúc mở rộng đập về phía hạ lưu, mặt đập rộng $B=6m$, hệ số mái thượng lưu $m_{tl}= 3,00$; hạ lưu $m_{hl}= 2,5$. Mặt đập kết cấu Bê tông M250. Đồ bù bê

tông phần mái thượng lưu do mặt đập được đổ bù bê tông gia cố. Mái hạ lưu đập trồng cỏ và bố trí rãnh thoát nước bê tông mái đập.

- Xử lý thấm đập phụ bằng biện pháp khoan phụt chống thấm đập phụ

Phạm vi khoan phụt từ K0+15.20 đến K0+242.20 chiều dài 227m.

- Cống B (đập phụ)

Sửa chữa hệ thống van hạ lưu cống B.

c) Hạng mục phục vụ Quản lý vận hành:

- Nhà quản lý đập chính

Xây dựng mới nhà quản lý phục vụ công tác quản lý vận hành với diện tích xây dựng 115m²; nhà 1 tầng gồm 4 phòng.

- Đường dây 35KV và trạm biến áp

+ Xây dựng tuyến đường dây 35KV, chiều dài 4,37km.

+ Xây dựng 01 trạm biến áp 150KVA/35-0.4 phục vụ điện cho công tác quản lý vận hành công trình.

12. Tổng mức đầu tư dự án thành phần

Tổng mức đầu tư: **20.947.000.000 đồng** (hai mươi tỷ, chín trăm bốn mươi bảy triệu đồng), trong đó:

- Giai đoạn chuẩn bị dự án	397.000.000
- Giai đoạn thực hiện dự án	20.550.000.000
+ Chi phí xây dựng	14.076.000.000
+ Chi phí thiết bị (mua sắm)	258.000.000
+ Chi phí quản lý dự án	316.000.000
+ Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	2.151.000.000
+ Chi phí khác	478.000.000
+ Chi phí dự phòng	3.272.000.000

(Chi tiết như Phụ lục kèm theo)

13. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

14. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2023 ÷ 2025.

15. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách Trung ương do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý.

16. Một số lưu ý trong giai đoạn thiết kế chi tiết:

- Đập phụ: Kiểm tra, đánh giá kỹ về thấm và ổn định để có giải pháp thiết kế phù hợp.

- Tràn xả lũ: Kiểm tra, đánh giá kỹ về thủy lực kênh thoát lũ sau tràn để đảm bảo an toàn công trình.

- Khi lập biện pháp thi công, lưu ý giải pháp dẫn dòng phải phù hợp với điều kiện vừa thi công vừa phải phục vụ sản xuất của công trình.

- Kiểm tra, rà soát hệ thống quan trắc công trình, quan trắc khí tượng thủy

văn chuyên dùng và hệ thống giám sát bảo đảm an toàn đập theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

- Xử lý môi: Kiểm tra, đánh giá kỹ về môi trong phạm vi công trình đầu mối để đưa ra biện pháp xử lý đảm bảo an toàn công trình.

- Chủ đầu tư hoàn thiện các thủ tục cần thiết theo quy định trước khi triển khai thi công xây dựng tuyến đường dây điện 35kV.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

a) UBND tỉnh Hà Tĩnh: Chỉ đạo các ban ngành, địa phương và đơn vị liên quan phối hợp chặt chẽ với Chủ đầu tư trong thực hiện dự án để đảm bảo tiến độ.

b) Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 2:

- Hoàn chỉnh hồ sơ Báo cáo Nghiên cứu khả thi theo nội dung được phê duyệt tại Quyết định này; chuyển giao tài liệu có liên quan trong giai đoạn chuẩn bị dự án cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hà Tĩnh để thực hiện các bước tiếp theo;

- Lập hồ sơ nghiệm thu, trình duyệt quyết toán và lưu trữ hồ sơ giai đoạn chuẩn bị dự án theo đúng quy định hiện hành.

c) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hà Tĩnh: Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ đầu tư, chịu trách nhiệm triển khai các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành.

d) Cục Thủy lợi: Là cơ quan chuyên môn về xây dựng, đơn vị đầu mối thẩm định, thực hiện chức năng quản lý Nhà nước giúp Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Chủ đầu tư tổ chức quản lý, thực hiện dự án theo đúng quy định hiện hành.

e) Vụ Kế hoạch; Vụ Tài chính và các đơn vị thuộc Bộ: Chịu trách nhiệm xử lý các công việc liên quan đến quá trình thực hiện dự án theo chức năng nhiệm vụ được giao.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Thủy lợi, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Vụ trưởng Vụ Tài chính, Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hà Tĩnh, Giám đốc Ban Quản lý đầu tư và Xây dựng thủy lợi 2 và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Bộ: KHĐT, TC;
- UBND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở NN&PTNT Hà Tĩnh;
- Kho bạc NN Hà Tĩnh;
- Lưu: VT, TL.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Hoàng Hiệp

Phụ lục
TỔNG MỨC ĐẦU TƯ
DỰ ÁN THÀNH PHẦN SỐ 5: SỬA CHỮA CẤP BÁCH ĐẢM BẢO AN
TOÀN HỒ KIM SƠN, TỈNH HÀ TĨNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-TL ngày / 6 /2023 của Bộ Nông
ng nghiệp và Phát triển nông thôn)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Hang mục	Kinh Phí		
		Chi phí trước thuế	Thuế giá trị gia tăng	Chi phí sau thuế
A	GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ DỰ ÁN (Quyết định số 108/QĐ-BQL2-KHTĐ ngày 21/11/2022; các hợp đồng: Số 38/2022/GT01-ATĐ ngày 12/5/2022, số 78/2022/GT02-ATĐ ngày 31/8/2022, số 96/2022/GT04-ATĐ ngày 03/10/2022; Văn bản số 67/BQL2-KHTĐ ngày 10/5/2022)	397.000.000		397.000.000
B	GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN DỰ ÁN			
I	Chi phí xây dựng	12.796.000.000	1.280.000.000	14.076.000.000
1	Cải tạo đồng đá đập chính, xử lý xói sau tràn	1.974.965.000	197.496.000	2.172.461.000
2	Hoàn chỉnh đập phụ	2.045.768.000	204.577.000	2.250.345.000
3	Khoan phụt đập phụ	2.426.847.000	242.685.000	2.669.532.000
4	Đường dây 35KV và trạm biến áp	3.604.381.000	360.438.000	3.964.819.000
5	Sửa chữa van côn hạ lưu cống B	1.097.557.000	109.756.000	1.207.313.000
6	Xây dựng mới nhà Quản lý vận hành	1.086.094.000	108.609.000	1.194.703.000
7	Xử lý mối mái đập phụ, đập chính và môi trường xung quanh (TT)	560.998.000	56.100.000	617.098.000
II	Chi phí thiết bị (mua sắm)	235.000.000	23.000.000	258.000.000
III	Chi phí quản lý dự án	316.000.000		316.000.000
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	1.958.000.000	193.000.000	2.151.000.000
1	Chi phí khảo sát địa hình giai đoạn BVTC (TT)	136.364.000	13.636.000	150.000.000
2	Chi phí khảo sát địa chất giai đoạn BVTC (TT)	209.091.000	20.909.000	230.000.000
3	Khảo sát lập phương án; thi công cắm mốc phạm vi bảo vệ đập	128.435.000	12.844.000	141.279.000
4	Khảo sát, lập phương án xử lý mối (TT)	304.218.000	30.422.000	334.640.000
5	Chi phí thiết kế BVTC phần xây dựng	550.041.000	55.004.000	605.045.000
6	Lập, điều chỉnh bổ sung quy trình vận hành hồ chứa nước, quy trình vận hành cửa van, quy trình bảo trì (TT)	181.818.000	18.182.000	200.000.000
7	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng	10.364.000	1.036.000	11.400.000
8	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC	23.290.000	2.329.000	25.619.000
9	Chi phí thẩm tra dự toán công trình	22.522.000	2.252.000	24.774.000
10	Chi phí giám sát thi công xây dựng	321.451.000	32.145.000	353.596.000

11	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	1.686.000	169.000	1.855.000
12	Chi phí giám sát khảo sát	19.297.000	1.930.000	21.227.000
13	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu	28.356.000		28.356.000
14	Chi phí quy đổi vốn đầu tư xây dựng	20.757.000	2.076.000	22.833.000
VI	Chi phí khác	442.000.000	35.000.000	477.000.000
1	Phí bảo hiểm công trình (Thông tư 50/2022/TT-BTC)	104.252.000	10.426.000	114.677.000
2	Phí thẩm định TKBVTC	15.484.000		15.484.000
3	Phí thẩm định dự toán	14.973.000		14.973.000
4	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng (Nghị định 63/2014/NĐ-CP)	19.032.000		19.032.000
5	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu bàn giao công trình	64.290.000	6.429.000	70.719.000
6	Chi phí nghiệm thu đóng điện bàn giao công trình	73.532.000	7.353.000	80.885.000
7	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	37.810.000		37.810.000
8	Chi phí kiểm toán độc lập (NĐ 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021)	112.735.000	11.274.000	124.009.000
VII	Chi phí dự phòng	2.975.000.000	297.000.000	3.272.000.000
1	Dự phòng cho phát sinh khối lượng	1.611.491.000	161.149.000	1.772.640.000
2	Dự phòng cho yếu tố trượt giá	1.363.321.000	136.332.000	1.499.653.000
	Tổng cộng	19.119.000.000	1.828.000.000	20.947.000.000